

**PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**CHƯƠNG V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**1. Quy mô, nội dung đầu tư**

| TT | Nội dung/cấu phần mua sắm  | Số lượng | Đơn vị tính | Mô tả, Ghi chú   |
|----|--|----------|-------------|--|
| 1  | Thiết bị SD-WAN Hub  | 04       | Thiết bị    |  |
| 2  | Thiết bị kết nối tập trung kênh truyền của các nhà cung cấp (SW AGG) | 04       | Thiết bị    |  |
| 3  | Thiết bị Firewall  | 04       | Thiết bị    | - Thiết bị bao gồm Subscription các tính năng bảo mật nâng cao như: IPS, Anti-virus, Anti-malware, DDos,... có thời gian 03 năm<br>- Thời gian bảo hành 03 năm |
| 4  | Module quang 100G cho thiết bị SW Core WAN                           | 32       | Chiếc       |  |
| 5  | Module quang 100G cho các thiết bị SW AGG                            | 14       | Chiếc       |  |
| 6  | Module quang 10G cho các thiết bị SW Core WAN                        | 16       | Chiếc       |  |
| 7  | Module quang 10G cho các thiết bị SD-WAN Hub                         | 10       | Chiếc       |  |
| 8  | Dịch vụ triển khai   | 01       | Gói         | Triển khai công nghệ SD-WAN tại các Trung tâm dữ liệu của BIDV và 67 Chi nhánh của BIDV trên toàn quốc (Danh sách Chi nhánh tại Phụ lục đính kèm)              |

**2. Yêu cầu chung**

- Các thiết bị phải mới 100%, được sản xuất từ 2025 trở lại đây.
- Thời gian thực hiện Hợp đồng: 09 tháng.
- Yêu cầu về vòng đời sản phẩm: Sản phẩm chưa có thông báo của hãng về việc thay thế, chưa có thông báo dừng sản xuất hoặc/và hỗ trợ sản phẩm từ phía nhà sản xuất, tính đến thời điểm nộp Hồ sơ dự thầu.
- Yêu cầu về bảo hành:
  - + Thiết bị SD-WAN Hub và thiết bị kết nối tập trung kênh truyền của các nhà cung cấp và linh kiện phải được bảo hành 36 tháng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và theo chế độ 8x5 (08 giờ làm việc, 05 ngày trong tuần).
  - + Thiết bị Firewall được bảo hành, cập nhật bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật tối thiểu 36 tháng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và theo tiêu chuẩn 24x7 (24 giờ làm việc, 7 ngày trong tuần, kể cả ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ Nhật, ngày Lễ, ngày Tết). Thời gian phản hồi (sự cố

Critical hoặc tương đương) đối với sự cố gây cho sản phẩm không hoạt động, hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng như ảnh hưởng hệ thống, ứng dụng là 01 giờ.

- + Dịch vụ bảo hành chính hãng: BIDV có thể tra cứu thông tin bảo hành thiết bị, mở yêu cầu hỗ trợ kỹ thuật (support case) trực tiếp với hãng sau khi nghiệm thu hàng hóa.

### 3. Yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết

| 1   |           | Thiết bị SD-WAN Hub   |
|-----|-----------|---|
| 1.1 | Giao diện | Có sẵn tối thiểu 12 khe cắm SFP tốc độ tối thiểu 10Gb Short Range   |
| 1.2 | Năng lực  | Lưu lượng xử lý SD-WAN IPSec (IMIX): tối thiểu 21Gbps   |
|     |           | Lưu lượng xử lý SD-WAN IPSec (1400Bytes): tối thiểu 50Gbps  |
|     |           | Số lượng SD-WAN Overlay Tunnel: tối thiểu 4000  |
|     |           | CPU: Multi cores  |
|     |           | Bộ nhớ hệ thống: tối thiểu 16 GB  |
|     |           | Ổ cứng SSD: tối thiểu 30 GB   |
|     |           | Số lượng IPv4 Routes: tối thiểu 4.000.000   |
|     |           | Số lượng IPv6 Routes: tối thiểu 4.000.000   |
| 1.3 | Tính năng | Số lượng Access Control List (ACL) hoặc tương đương: tối thiểu 3800   |
|     |           | IPv4, IPv6, static routes, có sẵn các giao thức: BGP, IS-IS, OSPF   |
|     |           | Thiết bị có khả năng tích hợp, tương thích và hoạt động công nghệ SD-WAN với hạ tầng thiết bị hiện có của BIDV (là các thiết bị Router Cisco C8300- 1N1S-6T, Router Cisco C8200-1N-4T đã có sẵn tính năng SD-WAN) đảm bảo khả năng trao đổi, thiết lập kết nối SD-WAN ( <i>tạo các Tunnel IPSec SD- WAN</i> ), định tuyến và áp dụng chính sách một cách đồng bộ trong toàn hệ thống, được điều khiển bởi 01 bộ Controller duy nhất.  |
|     |           | Có sẵn tính năng VRF (Virtual Routing and Forwarding) hoặc tính năng phân chia thành các bảng định tuyến độc lập.   |
|     |           | Có sẵn tính năng LACP   |
|     |           | Có sẵn các tính năng SNMPv3   |
| 1.4 | Bản quyền | Có sẵn tính năng xác thực bằng phương thức: RADIUS  |
|     |           | Thiết bị được cung cấp đầy đủ subscription đi kèm thiết bị để: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, năng lực, tính năng theo tiêu chuẩn được nêu trong mục 1.2 và 1.3.</li> <li>- Kích hoạt và vận hành toàn bộ các tính năng SD-WAN nâng cao (định tuyến ứng dụng; QoS; nhận diện ứng dụng App-ID; Zonebase Firewall; tự động điều phối đường truyền dựa theo các tham số Latency, Packet loss, jitter, bandwidth)</li> <li>- Thời gian subscription : tối thiểu 03 năm</li> </ul> |
| 1.4 | Quản trị  | Có sẵn tính năng quản trị: SSH  |
|     |           | Có sẵn tối thiểu 01 cổng quản trị qua mạng IP riêng biệt và 01 cổng console   |

|          |   |   |
|----------|---|---|
| 1.5      | Nguồn cấp   | Thiết bị có đầy đủ toàn bộ số lượng nguồn theo thiết kế của thiết bị (thiết bị có tối thiểu 02 nguồn), AC, 100-240 VAC, 50 Hz, và đảm bảo khả năng dự phòng lẫn nhau. |
| 1.6      | Bảo hành  | 36 tháng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và theo chế độ 8x5 (8 giờ làm việc, 5 ngày trong tuần)   |
| <b>2</b> | <b>Thiết bị kết nối tập trung kênh truyền của các nhà cung cấp (SW AGG)</b>   |   |
| 2.1      | Giao diện   | Có sẵn tối thiểu 48 khe cắm SFP tốc độ 1/10Gbps và 6 khe cắm 100/40-Gbps Quad Small Form-Factor Pluggable (QSFP28)  |
| 2.2      | Năng lực  | Năng lực xử lý: tối thiểu 3.6 Tbps  |
|          |   | Thông lượng chuyển tiếp: tối thiểu 1 Bpps   |
|          |   | CPU: tối thiểu 04 cores   |
|          |   | Bộ nhớ hệ thống: tối thiểu 16 GB  |
|          |   | Ổ cứng SSD: tối thiểu 100 GB  |
|          |   | Số lượng địa chỉ MAC: tối thiểu 128.000   |
|          |   | Số lượng multicast routes: tối thiểu 32.000   |
| 2.3      | Tính năng   | Số lượng Access Control List (ACL) hoặc tương đương: tối thiểu 1.900  |
|          |   | Có sẵn các tính năng SVI, Static route  |
|          |   | Có sẵn giao thức định tuyến động như: OSPF, BGP   |
|          |   | Có sẵn các tính năng SNMPv3   |
|          |   | Có sẵn các giao thức Multiple Spanning Tree Protocol (IEEE 802.1s), Rapid Spanning Tree Protocol (IEEE 802.1w)  |
|          |   | Có sẵn tính năng xác thực bằng phương thức: RADIUS  |
|          |   | Có sẵn tính năng ghép nối như vPC/ MLAG hoặc tính năng tương đương tính năng ghép nối các thiết bị thành một thiết bị logic   |
| 2.4      | Quản trị  | Có sẵn tính năng quản trị: SSH  |
|          |   | Có sẵn tối thiểu 01 cổng quản trị qua mạng IP riêng biệt và 01 cổng console   |
| 2.5      | Nguồn cấp   | Thiết bị có đầy đủ toàn bộ số lượng nguồn theo thiết kế của thiết bị (thiết bị có tối thiểu 02 nguồn), AC, 100-240 VAC, 50 Hz và đảm bảo khả năng dự phòng lẫn nhau.  |
| 2.6      | Bảo hành  | 36 tháng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và theo chế độ 8x5 (8 giờ làm việc, 5 ngày trong tuần)   |
| <b>3</b> | <b>Thiết bị Firewall</b>  |   |
| 3.1      | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Firewall Throughput <math>\geq</math> 312 Gpbs</li> <li>- Threat Prevention/Threat Protection/ (NGTP) Throughput <math>\geq</math> 73Gpbs</li> <li>- Interfaces: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Có tối thiểu 06 cổng 100 GbE Fiber interfaces và có sẵn 06 module 100G Short Range Multi-Mode BiDi cùng hãng sản xuất với thiết bị Firewall.</li> <li>+ Có tối thiểu 02 cổng 10 GbE Fiber interfaces và có sẵn 02 module 10G cùng hãng sản xuất với thiết bị Firewall.</li> </ul> </li> <li>- Có các tính năng bảo mật nâng cao Threat Prevention/Threat Protection/ (NGTP) tối thiểu gồm các thành phần IPS, Application Control / App-Control/ App-ID, Web/URL Filtering, Anti-virus, Dos/DDoS, chống tấn công theo địa lý (Geo-Blocking/ Geography</li> </ul> |   |

|          |  |
|----------|--|
|          | <p>Blocking hoặc tương đương), VPN.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính năng AI/ML (Artificial Intelligence / Machine Learning hoặc tương đương) để phát hiện các rủi ro ảnh hưởng đến bảo mật, an toàn thông tin như Virus/ Malware.</li> <li>- Phần mềm/phần cứng có tính năng quản trị tập trung hoạt động ở chế độ HA (Primary – Secondary/ Active- Passive hoặc tương đương). Quản trị tập trung có chức năng thiết lập các tập luật, cấu hình và giám sát các thiết bị bảo mật mạng (appliance).</li> <li>- Virtual Domains / Virtual Systems/Virtual Contexts: Tối thiểu 02</li> <li>- Số phiên kết nối đồng thời (Concurrent Sessions hoặc tương đương) trên 01 thiết bị: tối thiểu 65.000.000</li> <li>- Số phiên kết nối mới (New Sessions/Second hoặc tương đương) trên 01 thiết bị: tối thiểu 850.000 sessions và có thể mở rộng lên 1.500.000 sessions mà không cần nâng cấp hay bổ sung phần cứng.</li> <li>- Có các tính năng về kết nối mạng: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Kiểm soát chất lượng dịch vụ QoS (Quality of Service)</li> <li>+ NAT (Source NAT, Destination NAT, Bidirectional NAT, Port Forwarding, NAT Pool hoặc tương đương)</li> <li>+ Cho phép triển khai theo cơ chế L2 (transparent) hoặc L3 (routing).</li> </ul> </li> <li>- Quản trị thiết bị: WebUI (HTTPS), Graphical user interface (GUI), Command Line Interface (CLI)</li> <li>- Bảo hành, cập nhật bảo mật, hỗ trợ kỹ thuật: tối thiểu 36 tháng theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất và theo tiêu chuẩn 24x7 (24 giờ làm việc, 7 ngày trong tuần, kể cả ngày nghỉ (Thứ bảy, Chủ Nhật, ngày Lễ, ngày Tết). Thời gian phản hồi (sự cố Critical hoặc tương đương) đối với sự cố gây cho sản phẩm không hoạt động, hoặc gây ảnh hưởng nghiêm trọng như ảnh hưởng hệ thống, ứng dụng là 01 giờ.</li> </ul> |
| <b>4</b> | <b>Module quang 100G cho thiết bị SW Core WAN</b>  |
|          | Giao diện 100G Short Range Multi-Mode BiDi tương thích tốt (hỗ trợ với mọi phiên bản hệ điều hành của thiết bị) với thiết bị Switch Core WAN hiện có của BIDV ( <i>model: Cisco C93180YC-FX3</i> )   |
| <b>5</b> | <b>Module quang 100G cho các thiết bị SW AGG</b>   |
|          | Giao diện 100G Short Range Multi-Mode BiDi cùng hãng sản xuất với Thiết bị kết nối tập trung kênh truyền của các nhà cung cấp (SW-AGG) tại mục 2 bảng này.   |
| <b>6</b> | <b>Module quang 10G cho các thiết bị SW Core WAN</b>   |
|          | Giao diện 10G Short Range tương thích tốt (hỗ trợ với mọi phiên bản hệ điều hành của thiết bị) với thiết bị Switch Core WAN hiện có của BIDV ( <i>model: Cisco C93180YC-FX3</i> )  |
| <b>7</b> | <b>Module quang 10G cho các thiết bị SD-WAN Hub</b>  |
|          | Giao diện 10G Short Range cùng hãng sản xuất với thiết bị SD-WAN Hub tại mục 1 bảng này  |
| <b>8</b> | <b>Dịch vụ triển khai</b>  |

- Các thiết bị nêu trên được lắp tại 02 DC (Data Center) của BIDV, cụ thể: DC1 (số 7 Duy Tân, P.Cầu Giấy, TP.Hà Nội) và DC2 (Data Center IDC Viettel Hòa Lạc, khu CNC Hòa Lạc, xã Hòa Lạc, TP.Hà Nội).
- Nhà thầu cung cấp 03 bộ cài đặt Controller (*phiên bản được hãng khuyến nghị, có chức năng điều khiển tập trung, triển khai cấu hình định tuyến, chính sách cho toàn bộ thiết bị mạng SD-WAN, quản lý và giám sát mạng, xác thực toàn bộ thiết bị khi kết nối vào mạng WAN BIDV*) chính hãng phục vụ cho giải pháp SD-WAN mà nhà thầu chào, và có trách nhiệm cài đặt trên hạ tầng do BIDV cung cấp trên nền tảng ảo hóa VMWare tại 02 DC của BIDV (*trong đó triển khai 02 bộ Controller tại DC1, 01 bộ Controller tại DC2*).
- Kiểm tra và nâng cấp Firmware (nếu cần) cho các thiết bị lên phiên bản khuyến nghị của hãng sản xuất.
- Hiện tại, BIDV đang sử dụng công nghệ mạng MPLS kết nối tập trung 174 Chi nhánh về 02 TTDL. Nhà thầu có trách nhiệm tư vấn, thiết kế tổng thể, triển khai công nghệ SD-WAN cho BIDV đảm bảo các yêu cầu sau:
  - + Triển khai công nghệ SD-WAN tại 02 DC của BIDV, và chuyển đổi công nghệ MPLS của 67 Chi nhánh sang công nghệ SD-WAN đảm bảo tính dự phòng, hoạt động ổn định, tối ưu thời gian gián đoạn trong quá trình chuyển đổi (*thời gian gián đoạn kết nối từ Chi nhánh tới các DC của BIDV ngoài giờ làm việc, thời gian gián đoạn tối đa khi triển khai tại 01 Chi nhánh: không quá 15 phút*). Đảm bảo công nghệ SD-WAN triển khai mới tại 67 Chi nhánh không xung đột với 107 chi nhánh còn lại của BIDV đang hoạt động với công nghệ MPLS.
  - + Triển khai công nghệ SD-WAN trên hạ tầng kênh truyền của BIDV (*MPLS/ Cáp quang thẳng và Internet*).
  - + Triển khai QoS (Quality of Service) ứng dụng trên kênh truyền (*MPLS/ Cáp quang thẳng và Internet*) theo yêu cầu BIDV.
  - + Triển khai các tính năng SD-WAN nâng cao cho BIDV như: Tính năng SD-WAN (*định tuyến ứng dụng; QoS; nhận diện ứng dụng App-ID; tự động điều phối đường truyền dựa theo các tham số Latency, Packet loss, jitter, bandwidth*); tính năng bảo mật (*Zonebase Firewall*) .
- Triển khai thiết bị Firewall (số thứ tự 3) tại 02 DC của BIDV với vai trò là thiết bị kiểm soát bảo mật của toàn bộ hệ thống mạng SD-WAN, các tính năng bảo mật nâng cao: NGFW Full, IPS, AV, App Controll, Web Filtering.
- Cấu hình tích hợp các thiết bị trong danh mục nêu trên với hệ thống mạng Core của BIDV đang sử dụng giao thức định tuyến động EIGRP (*tư vấn, triển khai các giao thức định tuyến phù hợp*).
- Cung cấp cho BIDV tài liệu triển khai, cài đặt; tài liệu quản trị, vận hành.
- Nhân sự triển khai: Cán bộ kỹ thuật tích hợp thiết bị SD-WAN vào hệ thống mạng có chứng nhận/chứng chỉ đào tạo về dòng thiết bị mà nhà thầu chào.

#### 4. Yêu cầu về đào tạo, chuyển giao kỹ thuật

- Nhà thầu chịu trách nhiệm tổ chức 1 khóa đào tạo tại BIDV, bao gồm các nội dung sau:

| Khóa học | Số lượng học viên | Thời gian | Địa điểm đào tạo | Nội dung chính của khóa học |
|----------|-------------------|-----------|------------------|-----------------------------|
|----------|-------------------|-----------|------------------|-----------------------------|

|   |                          |        |          |   |
|---|--------------------------|--------|----------|---|
| Đào tạo cài đặt, quản trị, vận hành hệ thống công nghệ SD-WAN | Tối thiểu 06 – tối đa 09 | 7 ngày | Việt Nam | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đào tạo cài đặt, quản trị và vận hành hệ thống công nghệ SD-WAN triển khai tại BIDV</li> <li>- Đào tạo tổng quan, kiến trúc hệ thống mạng SD-WAN, các giao thức định tuyến sử dụng trong hệ thống, phương thức hoạt động của bộ điều khiển Controller.</li> <li>- Đào tạo triển khai cấu hình SD-WAN, định tuyến ứng dụng; QoS; nhận diện ứng dụng App-ID; Zonebase Firewall; tự động điều phối đường truyền dựa theo các tham số Latency, Packet loss, jitter, bandwidth.</li> <li>- Đào tạo vận hành và tối ưu hệ thống</li> </ul> |
|---|--------------------------|--------|----------|---|

- Các tiêu chuẩn về đào tạo:

- + Mục đích: Đảm bảo các cán bộ kỹ thuật của BIDV nắm vững và làm chủ công nghệ SD-WAN triển khai tại BIDV.
- + Mô hình đào tạo: Đào tạo chính hãng hoặc đơn vị được ủy quyền chính thức của hãng, trong nước (trực tiếp).
- + Nhân sự đào tạo: Có chứng chỉ công nghệ SD-WAN của hãng mà nhà thầu chào.
- + Nhà thầu có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu, môi trường phục vụ đào tạo.
- + Tất cả các buổi đào tạo phải được tiến hành bằng tiếng Việt, Trường hợp đào tạo bằng tiếng Anh, nhà thầu phải có trách nhiệm bố trí phiên dịch và chịu toàn bộ chi phí liên quan tới phiên dịch của buổi đào tạo.

- Chuyển giao tài liệu: Cung cấp đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, quy trình quản trị, vận hành hệ thống.

**5. Yêu cầu về bàn giao, triển khai, nghiệm thu hàng hóa**

- Thời gian thực hiện bàn giao hàng hóa: Tối đa 03 tháng sau khi ký hợp đồng.
- Thời gian triển khai: Tối đa 05 tháng sau khi ký hợp đồng
- Thời gian hoàn thành nghiệm thu: Tối đa 01 tháng tổ chức nghiệm thu, thanh lý hợp đồng sau khi hoàn thành triển khai.

## PHỤ LỤC: DANH SÁCH CHI NHÁNH BIDV

| STT | Chi nhánh    | Địa chỉ   |
|-----|--------------|---|
| 1   | Hai Bà Trưng | Tòa VCCI Tower, Số 9 Đào Duy Anh, phường Kim Liên, Thành phố Hà Nội   |
| 2   | Nam Sài Gòn  | Tầng trệt, tầng lửng, tầng 2,3,4,5 Tòa Nhà Vinafood 2, Số 333 Trần Hưng Đạo, Phường Cầu Ông Lãnh, Thành phố Hồ Chí Minh |
| 3   | Ba Tháng Hai | 456 đường Ba Tháng Hai, Phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh  |
| 4   | Hà Nội       | Số 4B Lê Thánh Tông, Phường Cửa Nam, Thành phố Hà Nội   |
| 5   | Thăng Long   | Số 3 đường Phạm Hùng, Phường Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội   |
| 6   | Hồ Chí Minh  | 134 Nguyễn Công Trứ, Phường Bến Thành, Thành phố Hồ Chí Minh  |
| 7   | Bắc Sài Gòn  | 290 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh   |
| 8   | Đông Sài Gòn | Số 23A và 25 Đặng Văn Bi, Phường Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh   |
| 9   | Hải Phòng    | Tòa nhà Thành Đạt 1, Số 3 Lê Thánh Tông, phường Ngô Quyền, Hải Phòng  |
| 10  | Yên Bái      | Số 765, Đường Điện Biên, Phường Yên Bái, tỉnh Lào Cai   |
| 11  | Sơn La       | Số 188, Đường Tô Hiệu, Phường Tô Hiệu, Tỉnh Sơn La  |
| 12  | Phú Thọ      | Số nhà 1155A, đường Hùng Vương, phường Thanh Miếu, tỉnh Phú Thọ   |
| 13  | Bắc Ninh     | Số 01 - Đường Nguyễn Đăng Đạo - Phường Kinh Bắc - Tỉnh Bắc Ninh   |
| 14  | Quảng Ninh   | Số 737, Đường Lê Thánh Tông, Phường Hồng Gai, Tỉnh Quảng Ninh   |
| 15  | Hải Dương    | Số 2, Đại lộ Lê Thanh Nghị, Phường Lê Thanh Nghị, Thành Phố Hải Phòng   |
| 16  | Thái Bình    | Số 80B phố Lý Thường Kiệt, phường Thái Bình, Tỉnh Hưng Yên.   |
| 17  | Thanh Hóa    | Số 26 Đại lộ Lê Lợi, Phường Hạc Thành, Tỉnh Thanh Hóa   |
| 18  | Hà Tĩnh      | Số 88, đường Phan Đình Phùng, phường Thành Sen, Tỉnh Hà Tĩnh  |
| 19  | Quảng Ngãi   | Số 56, Đường Hùng Vương, Phường Cẩm Thành, Tỉnh Quảng Ngãi  |
| 20  | Gia lai      | 112 Lê Lợi, P. Hoa Lư, Tỉnh Gia Lai   |
| 21  | Đắk Lắk      | 17 Nguyễn Tất Thành, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk  |
| 22  | Đắk Nông     | Đường 23 Tháng 3, Phường Đông Gia Nghĩa, Tỉnh Lâm Đồng  |
| 23  | Lâm Đồng     | Số 22 Trần Phú, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng   |
| 24  | Long An      | 140 Hùng Vương - Phường Long An, Tỉnh Tây Ninh  |
| 25  | Đồng Tháp    | Số 12A, đường 30/4, Phường Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp   |
| 26  | An Giang     | Số 185 Đường Lý Thái Tổ, Phường Long Xuyên, Tỉnh An Giang   |
| 27  | Vĩnh Long    | Số 15A, Đường Lê Lợi, Phường Long Châu, Tỉnh Vĩnh Long  |
| 28  | Trà Vinh     | Số 02B Lê Thánh Tôn, Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long  |
| 29  | Cần Thơ      | 2 Hòa Bình, Phường Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ   |
| 30  | Bến Nghé     | 34 Nguyễn Thị Diệu, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh  |
| 31  | Gia Lâm      | Số 741 Đường Nguyễn Đức Thuận, Xã Gia Lâm, Thành phố Hà Nội   |
| 32  | Tây Sài Gòn  | Tầng 1, số 70 Đường Lữ Gia, Phường Phú Thọ, Thành phố Hồ Chí Minh   |
| 33  | Cao Bằng     | Số 15, Đường Hoàng Đình Giông, Phường Thực Phán, Tỉnh Cao Bằng  |
| 34  | Tuyên Quang  | Số 04 đường Bình Thuận, P Minh Xuân, tỉnh Tuyên Quang   |
| 35  | Hà Giang     | Số 382, đường Nguyễn Trãi, phường Hà Giang 1, tỉnh Tuyên Quang  |
| 36  | Lạng Sơn     | 29 đường Lê Lợi, phường Vĩnh Trại, thành phố Lạng Sơn   |
| 37  | Điện Biên    | Số nhà 888, Đường Võ Nguyên Giáp, Phường Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên  |
| 38  | Lai Châu     | Đường 30/4, Phường Tân Phong, Tỉnh Lai Châu   |
| 39  | Thái Nguyên  | Số 653, Đường Lương Ngọc Quyến, tổ 12, Phường Phan Đình Phùng, tỉnh Thái Nguyên   |
| 40  | Vĩnh Phúc    | Số 8 Đường Kim Ngọc, Phường Vĩnh Phúc, Tỉnh Phú Thọ   |
| 41  | Bắc Giang    | Số 02, Đường Nguyễn Gia Thiệu, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh  |
| 42  | Móng Cái     | Số 02C, đường Hùng Vương, phường Móng Cái 1, tỉnh Quảng Ninh  |
| 43  | Hà Đông      | Số 197 Quang Trung, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội  |
| 44  | Hòa Bình     | Đường Lê Thánh Tông, Phường Hòa Bình, Tỉnh Phú Thọ  |

|    |                |  |
|----|----------------|--|
| 45 | Bắc Hải Dương  | Số 404 Nguyễn Trãi, phường Chu Văn An, Thành phố Hải Phòng     |
| 46 | Hung Yên       | 240 Nguyễn Văn Linh, P. Phó Hiến, Tỉnh Hưng Yên                |
| 47 | Bắc Hưng Yên   | Ngã tư Phó Nối - xã Nguyễn Văn Linh - Tỉnh Hưng Yên- Việt Nam  |
| 48 | Hà Nam         | Số 210, Đường Lê Hoàn, Phường Phú Lý, Tỉnh Ninh Bình           |
| 49 | Ninh Bình      | Đường Lê Hồng Phong, Phường Hoa Lư, Tỉnh Ninh Bình             |
| 50 | Bắc Quảng Bình | 368 đường Quang Trung, phường Ba Đồn, Tỉnh Quảng Trị           |
| 51 | Quảng Trị      | 24 Hùng Vương, Tp Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị                      |
| 52 | Quảng Nam      | Số 112 Phan Bội Châu, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng      |
| 53 | Phú Tài        | Số 340, Đường Lạc Long Quân, Phường Quy Nhơn Bắc, Tỉnh Gia Lai |
| 54 | Bình Thuận     | Số 286A, Đường Trần Hưng Đạo, Phường Phan Thiết, Tỉnh Lâm Đồng |
| 55 | Ninh Thuận     | Số 138, Đường 21 tháng 8, Phường Bảo An, Tỉnh Khánh Hòa        |
| 56 | Kon Tum        | Số 01A đường Trần Phú, phường Kon Tum, Tỉnh Quảng Ngãi         |
| 57 | Buôn Hồ        | 476 Hùng Vương, TX Buôn Hồ, Tỉnh Đắk Lắk                       |
| 58 | Bảo Lộc        | Số 52, Đường Lê Thị Pha, Phường 1 Bảo Lộc, Tỉnh Lâm Đồng       |
| 59 | Bình Phước     | Số 737, Quốc lộ 14, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai      |
| 60 | Đồng Nai       | Số 244 Đồng Khởi, Phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai          |
| 61 | Đông Đồng Nai  | Số 115B, đường Lê Duẩn, xã Long Thành, Thành phố Đồng Nai      |
| 62 | Nam Đồng Nai   | Lô F1, Quốc lộ 51, Phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai        |
| 63 | Kiên Giang     | Số 259-261 đường Trần Phú, Phường Rạch giá, Tỉnh An Giang      |
| 64 | Bà Rịa         | 01 Trường Chinh, Phường Bà Rịa, Thành phố Hồ Chí Minh          |
| 65 | Phú Mỹ         | 1589 Đường Độc Lập, P. Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh           |
| 66 | Cà Mau         | Số 05A, Đường An Dương Vương, Phường Tân Thành, Tỉnh Cà Mau    |
| 67 | Bạc Liêu       | Số 169A Đường 23/8, Phường Bạc Liêu, Tỉnh Cà Mau               |